

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2017/HC-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2017
V/v: “Khởi kiện quyết định hành chính
về giải quyết tranh chấp đất đai” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên;
Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;
Ông Phạm Công Mươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 186/2015/TLPT – HC ngày 16 tháng 12 năm 2015 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2015/HCST ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 420/2016/QĐPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2016, giữa các đương sự:

***Người khởi kiện:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp B2, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng, (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện:* Luật sư Nguyễn Thiện Đ – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

*** Người bị kiện:**

1/. Chủ tịch UBND tỉnh ST, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 01 CVT, Phường 2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện:* Ông Triệu Công D – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh ST, (có mặt).

2/. Chủ tịch UBND huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn PL, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị N (tên khác Nhạng - chết ngày 25/10/2014); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1986 (vắng mặt).

* **Người kháng cáo:** Người khởi kiện – Bà Lê Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước năm 1975, ông Nguyễn Văn D1 (cha ông Nguyễn Văn M - ông D1 chết năm 1996) có khai phá và sử dụng phần đất hoang có diện tích khoảng 10ha, tọa lạc tại ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh ST. Theo bà H thì ông D1 đã canh tác, sử dụng ổn định và liên tục, đến năm 1977 Nhà nước thực hiện chính sách liền canh liền cư nên ông D1 về nhận đất để sản xuất tại ấp 23, xã Vĩnh Lợi, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng (nơi có nhà ở và hộ khẩu thường trú), diện tích đất của ông D1 tại ấp 21, xã TT chính quyền địa phương cắt chia cho nhiều hộ sử dụng, trong đó có hộ ông Ngô Văn T (chồng bà N). Đến năm 1988, giải thể tập đoàn (Hợp tác xã) và Nhà nước có chủ trương trả lại đất gốc nên đến năm 1990 ông D1 có làm đơn yêu cầu các hộ dân B phải trả đất gốc.

Ngược lại, theo phía bà N thì do đất bị nhiễm phèn và mặn canh tác không hiệu quả, phải đóng thuế phụ thu cao nên vào năm 1977 ông D1 bỏ hoang đất không sử dụng, năm 1980 được chính quyền địa phương cấp nên ông T phục hóa sử dụng liên tục diện tích 1ha82 (18.200m²). Năm 1995 ông D1 yêu cầu ông T trả lại đất, ông T không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

- Ngày 26/06/1995 Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 216/QĐ.UBH.95 về việc giải quyết ruộng đất giữa ông Ngô Văn T, ngụ ấp 21, xã TT và hộ ông Nguyễn Văn D2 cư ngụ ấp Hậu Bồi, xã Minh Diệu – Minh Hải, với nội dung: *“Nay thu hồi phần đất có diện tích 0,91ha (nằm trong thửa 1,82ha) tọa lạc tại ấp 21, xã TT, đất ông D1 trước đây hiện ông T đang sử dụng; Giao quyền sử dụng đất diện tích 0,91ha đã nêu trên cho hộ ông D2 (con ông D1) sử dụng, đồng thời hộ ông T phải thực hiện hoa lợi ruộng đất cho hộ ông D1 trên phần đất còn lại diện tích 0,91ha (nằm trong thửa 1,82ha)...”*.

Sau khi triển khai quyết định bà Lê Thị N (vợ ông T) tuy không đồng ý với quyết định nhưng vẫn thực hiện và khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh, bà N đồng ý giao cho ông D2 phần đất thu hồi diện tích 0,91ha (nằm trong thửa 1,82ha) và phần đất còn lại diện tích 0,91ha (nằm trong thửa 1,82ha) không có khả năng thực hiện hoa lợi ruộng đất nên bà N đồng ý giao cho ông D2 50% đất chỉ sử dụng diện tích còn lại 0,45ha.

Đến năm 1997, diện tích trên để lại cho ông Nguyễn Văn M (chồng bà Lê Thị H) sử dụng diện tích là 13.700m², đến ngày 11/01/1997 UBND huyện TT1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H474757 cho hộ ông Nguyễn Văn M (thửa 130) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 474758, số vào sổ 00174 ngày 11/01/1997 cho hộ ông Nguyễn Tấn N1 (thửa 1072), cùng tờ bản đồ số 05, loại đất LUA, tọa lạc tại ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

- Ngày 24/10/1997 Chủ tịch UBND tỉnh ST ban hành Quyết định số 794/QĐ.HC.97 về việc giải quyết tranh chấp đất ruộng giữa ông Ngô Văn T,

ông Nguyễn Văn M1 với ông D2, ông T1, ông M con ông Nguyễn Văn D1 cư ngụ ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh ST, với nội dung: “*Hủy Quyết định số 216/QĐ.UBH.95 ngày 26/06/1995 và Quyết định số 222/QĐ.UBH.95 ngày 26/06/1995 của Chủ tịch UBND huyện TT1; Đồng thời giao diện tích đất tranh chấp 1ha27 cho ông M1 sử dụng và giao 1ha82 đất tranh chấp cho ông Lê Văn T1 sử dụng; Ông M1 và ông T1 phải trả hoa lợi ruộng đất cho các con ông D1 theo khung giá được quy định tại Quyết định 73/QĐ.UBT.95 ngày 27/03/1995 của UBND tỉnh*”. (sau khi nhận quyết định ông T chết), các con ông D1 không đồng ý theo quyết định, đồng thời chiếm đất sử dụng từ năm 1977 cho đến nay. Bà N khiếu nại và có nhiều văn bản chỉ đạo yêu cầu thi hành Quyết định số 794/QĐ.HC.97 ngày 24/10/1997 của Chủ tịch UBND tỉnh ST.

Ngày 25/07/2008 Thanh tra huyện kết hợp với Phòng TN&MT huyện, UBND xã TT tiến hành kiểm tra và giao đất cho bà N, sau khi giao đất bà N xạ và thu hoạch vụ hè thu năm 2008, đến vụ đông xuân năm 2008 bà H, ông M tiếp tục chiếm và sử dụng hết diện tích đất của bà N.

Ngày 13/03/2009 UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 437 và 439 thu nhồi một phần diện tích trong GCNQSDĐ của ông N1 và ông M (nằm trong đất tranh chấp với bà N), không đồng ý với các quyết định này ông N1 và ông M khiếu nại. Ngày 30/07/2009 Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 911 và 913 giải quyết khiếu nại, bác đơn ông N1 và bà H (vì ông M đã chết vào tháng 04/2009).

Ngày 28/12/2009 Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông P và bà H, ngày 29/12/2009 triển khai và tổng đạt quyết định nhưng ông P và bà H không chấp hành quyết định và khiếu nại. Ngày 25/01/2010 Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 154 và 156 giải quyết khiếu nại, bác đơn ông P và bà H; ông P và bà H tiếp tục khiếu nại.

- Ngày 01/02/2010 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 55/QĐTC-CT.UBND về việc thành lập tổ công tác kiểm tra việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn P, Lê Thị H, ngụ ấp B2, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 15/07/2010 làm việc trực tiếp với bà N (vợ ông T), ông P và bà H để hòa giải tranh chấp theo chỉ đạo của UBND tỉnh, qua trao đổi:

+ Bà N đồng ý nhận 9.100m² (trong diện tích thực tế 13.700m² tranh chấp), diện tích còn lại 4.600m² giao cho ông P và bà H sử dụng, bà N không phải bồi hoàn giá trị QSDĐ và chấm dứt khiếu nại.

+ Ông P và bà H đồng ý trả giá trị QSDĐ cho bà N, ông M1 giá 2.000.000đồng/1.000m², không đồng ý giao đất theo Quyết định số 794/QĐ.HC.97 ngày 24/10/1997 của Chủ tịch UBND tỉnh ST.

- Ngày 28/07/2011 Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 2886 và 2887 cưỡng chế hành chính đối với ông P và bà H. Ngày 16/08/2011 cưỡng chế giao đất cho bà N. Ngày 23/12/2011 bà H và ông Q (con ông P) tiếp tục chiếm lại đất.

- Ngày 16/07/2012 Chủ tịch UBND tỉnh ST ban hành Quyết định số 16/GQKN-CT.UBND về việc giải quyết khiếu nại, với nội dung: “*Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 794/QĐ.HC.97 ngày 24/10/1997 của Chủ tịch UBND tỉnh ST; Thu hồi, hủy bỏ các Quyết định số 216/QĐ.UBH.95 và Quyết định số 222/QĐ.UBH.95 ngày 26/06/1995 của Chủ tịch UBND huyện TT1; Giao cho Chủ tịch UBND huyện TT1 tổ chức công bố, triển khai thực hiện quyết định này, ban hành quyết định thu hồi hủy bỏ GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Tấn N1; đồng thời ban hành quyết định giải quyết vụ tranh chấp đất đai giữa bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn M1 với ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị H theo thẩm quyền, đúng quy định pháp luật*”. Ngày 01/08/2012 triển khai quyết định, các con ông D1 đồng ý Điều 1, không đồng ý Điều 2 quyết định; bà N không đồng ý; tất cả tiếp tục khiếu nại.

- Ngày 03/06/2013 UBND huyện TT1 ban hành quyết định số 823 và 824 thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông N1 và ông M, lý do giấy cấp trái pháp luật và đã triển khai quyết định vào ngày 20/6/2013.

- Ngày 17/6/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có thông báo số 04 và 05 thông báo thu hồi GCNQSDĐ của ông N1 và ông M nhưng các hộ này không giao giấy CNQSDĐ cho Văn phòng đăng ký để điều chỉnh giấy CNQSDĐ.

- Ngày 02/10/2013 UBND huyện TT1 ban hành quyết định số 1298 và 1300 hủy bỏ giấy CNQSDĐ của ông N và ông M. Ngày 04/10/2013 bà Lê Thị N có đơn yêu cầu gửi đến UBND huyện TT1 xem xét giải quyết tranh chấp giữa bà N với bà Lê Thị H: Bà N yêu cầu bà H trả lại diện tích 13.700m² (thửa: thửa 1072 diện tích 9.423m² và thửa 130 diện tích 4.278m²).

- Ngày 19/5/2014 Chủ tịch UBND huyện TT1 ban hành Quyết định số 607/QĐ-CT.UBND về việc giải quyết tranh chấp QSDĐ giữa bà Lê Thị N, ngụ ấp 21, xã TT với bà Lê Thị H ngụ ấp B2, xã TT, huyện TT1, tỉnh ST, với nội dung: “*Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lê Thị N về việc tranh chấp đòi lại QSDĐ; Buộc bà Lê Thị H...phải giao trả cho bà Lê Thị N diện tích đất 10.000m² (diện tích thực tế). Gồm thửa 130 diện tích 4.277m² và thửa 1072 diện tích 5.723m², tờ bản đồ số 05, loại đất LUA, tọa lạc ấp 21, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng (có sơ đồ vị trí đất kèm theo)*” (sau đây gọi Quyết định 607). Ngày 23/05/2014 triển khai quyết định, bà H nhận quyết định và có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh ST.

- Ngày 31/12/2014 Chủ tịch UBND tỉnh ST ban hành Quyết định số 71/QĐKN-CT.UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Lê Thị N, ngụ ấp 21, xã TT với bà Lê Thị H ngụ ấp B2, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng, với nội dung: “*Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 607/QĐ-CT.UBND ngày 19/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện TT1 giải quyết tranh chấp đất giữa bà Lê Thị N, ngụ ấp 21, xã TT với bà Lê Thị H ngụ ấp B2, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng là đúng quy định của pháp luật; Bác đơn yêu cầu của bà Lê Thị H, cư ngụ ấp B2, xã TT, huyện TT1, tỉnh Sóc Trăng*” (sau đây gọi Quyết định 71).

* Ngày 10/02/2015 bà Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 607/QĐ-CT.UBND ngày 19/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện

TT1 và đến ngày 06/03/2015 có đơn khởi kiện (bổ sung) yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 71/QĐKN-CT.UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh ST.

* Đại diện bên bị kiện trình bày:

Đại diện UBND huyện TT1, ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Về phía UBND huyện TT1 xác định đây là vụ việc phức tạp kéo dài, các cơ quan của huyện TT1 trong phạm vi quyền hạn của mình đã tiến hành thu thập các tài liệu, xác minh về sự việc tranh chấp này và trên cơ sở xác minh đầy đủ và toàn diện nên đã ban hành Quyết định số 607/QĐ-CT.UBND ngày 19/5/2014. Hiện nay, Chủ tịch UBND huyện TT1 vẫn giữ nguyên quyết định 607 này.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2015/HCST ngày 25 tháng 9 năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng hủy Quyết định số 607/QĐ-CT.UBND ngày 19/5/2014 của Chủ tịch UBND huyện TT1 và Quyết định số 71/QĐKN-CT.UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh ST.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 6/10/2015 người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện và giữ nguyên bản án số 05/2015/HC-ST ngày 25/09/2015 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo và đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

Về đối tượng khởi kiện: Căn cứ Điều 28 Luật tổ tụng hành chính (2010) và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng hành chính cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 104 Luật tổ tụng hành chính (2010) cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện là phù hợp.

Về nội dung: Xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của quyết định số 607/QĐ-CT-UBND ngày 19.5.2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1

và quyết định số 71/QĐKN-CT-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST.

Xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp, trước năm 1975 ông Nguyễn Văn D1 (cha chồng bà H) khai phá đất hoang diện tích khoảng 10ha và sử dụng đến năm 1977. Do đất bị nhiễm mặn, phèn sản xuất không có hiệu quả, hơn nửa ông D1 phải đóng thuế phụ thu cho nhà nước cao nên ông D1 bỏ đất này về khai phá và sử dụng đất ở gần nhà ông D1 thuộc ấp 23, xã Vĩnh Lợi, đất này bỏ hoang. Năm 1980 chính quyền địa phương ấp 21 cấp đất này cho ông Ngô Văn T (chồng bà N) để canh tác sinh sống. Sau khi nhận đất ông T tiếp tục phục hóa và canh tác cho đến năm 1995 thì các bên phát sinh tranh chấp. Quá trình giải quyết tranh chấp Ủy ban nhân dân huyện TT1 đã ban hành nhiều quyết định nhưng các bên không thực hiện, đến ngày 19/5/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1 ban hành quyết định số 607 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị N với bà Lê Thị H.

Căn cứ pháp lý ban hành quyết định 607 là khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003; điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật vì: Thực tế ông D1 đã bỏ đất từ năm 1977, đến năm 1980 nhà nước có chủ trương giao đất cho ông T canh tác là phù hợp với chính sách đất đai lúc bấy giờ và Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng (Điều 10 Luật đất đai năm 2003) nên việc Ủy ban nhân dân huyện TT1 buộc bà Lê Thị H phải giao trả cho bà Lê Thị N diện tích 1.000m² là đúng pháp luật.

Về Thẩm quyền: Căn cứ khoản 1, 2 và 5 Điều 50, khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong trường hợp này thuộc Ủy ban nhân dân là phù hợp vì: Trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa bà N với bà H thì ngày 11/01/1997 Ủy ban nhân dân huyện TT1 cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn M thửa 130 và hộ ông Nguyễn Tân N1 thửa 1072. Do đất đang tranh chấp mà được cấp quyền sử dụng là không đúng nên ngày 03/6/2013 và ngày 04/10/2013 Ủy ban nhân dân huyện TT1 đã ra quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông M và ông N1. Do đó, đất đang tranh chấp lúc này là đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có vật, kiến trúc trên đất nên thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân là đúng quy định của pháp luật. Do đó, xác định việc Ủy ban nhân dân huyện TT1 ban hành quyết định 607 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Không đồng ý với quyết định 607, bà H tiếp tục khiếu nại, ngày 31/12/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ST ban hành quyết định số 71/QĐKN-CT-UBND về việc bác khiếu nại và giữ y Quyết định số 607 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1. Xét thấy việc ban hành quyết định số 71 là phù hợp và có căn cứ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng quy định pháp luật.

Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện cũng không đưa ra được những chứng cứ khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị H.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị H

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2015/HC-ST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 30, Điều 138, Điều 161, Điều 163 và Điều 164, Điều 27 Luật tố tụng hành chính

Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa Án

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 607/QĐ-CT.UBND ngày 19/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TT1 và Quyết định số 71/QĐKN-CT.UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban tỉnh ST.

Bà Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008295 ngày 09/10/2015 của cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND tỉnh ST;
- Cục THADS tỉnh ST;
- Đương sự;
- Lưu HS, Vp, (Án HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Văn Yên